

MỘT VÀI DẪN LIỆU VỀ HÌNH THÁI, THỂ LỰC VÀ ĐỘ BÉO GẦY CỦA LAO ĐỘNG NỮ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI BÌNH

Đào Huy Khuê

Ở nước ta từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về hình thái cơ thể người Việt Nam. Song những nghiên cứu về hình thái, thể lực của phụ nữ lao động trong ngành Tiêu thủ công nghiệp còn rất ít. Hiện nay, sản xuất Tiêu thủ công nghiệp có vị trí rất quan trọng và lâu dài vì nó cung ứng trên 50% hàng tiêu dùng sản xuất trong nước, 20% giá trị hàng xuất khẩu và cung cấp một phần đáng kể vật liệu xây dựng cho nông, lâm, ngư nghiệp [5]. Trong ngành sản xuất này, phụ nữ là lực lượng cơ bản, do đó việc xác định những thông số hình thái và thể lực của họ có ý nghĩa góp phần làm cơ sở cho Nhà nước đề ra những chính sách, chế độ, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe đối với người lao động Tiêu thủ công nghiệp ngày càng hợp lý hơn. Xuất phát từ mục đích trên và được sự hỗ trợ của Trung tâm nghiên cứu phụ nữ thuộc Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, chúng tôi tiến hành nghiên cứu ở Thái Bình là lĩnh vực phát triển mạnh về sản xuất Tiêu thủ công nghiệp trong nhiều năm qua.

I - ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Đối tượng nghiên cứu gồm 483 lao động nữ từ 16 đến 55 tuổi của hợp tác xã dệt chiếu Thanh Quang (huyện Kiến Xương) và hợp tác xã dệt thảm Quyết Tiến (thị xã Thái Bình). Đây là hai hợp tác xã ở hai vùng địa lý - sinh thái nông thôn và thành thị có sự khác biệt rõ rệt.

Bảng 1 - Đối tượng nghiên cứu

Lớp tuổi	Hợp tác xã Thanh Quang	Hợp tác xã Quyết Tiến	Cộng
16-25	115	116	231
26-40	115	91	206
41-55	46		46
	276	207	483

Các kích thước hình thái được đo đạc bằng các dụng cụ thường dùng trong nhân trắc học hiện nay [4]

Các số liệu được xử lý thống kê theo phương pháp của Nguyễn Đình Kho 1975 [3].

Các thang phân loại theo Trịnh Hữu Vách (1987) [2]

II - KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:

Các kết quả nghiên cứu được chúng tôi trình bày ở bảng 2 (xem bảng 2 ở trang sau)

III - BÀN LUẬN: Qua bảng trên chúng tôi có nhận xét:

1. Đại đa số có kích thước hình thái đều giảm dần theo chiều tăng của tuổi. Đặc biệt ở lớp tuổi 41-55, trị số tuyệt đối của các kích thước hình thái giảm mạnh so với các lớp tuổi trước.

Vòng cánh tay phải eo, vòng đùi phải của lao động nữ Quyết Tiến có trị số lớn hơn ở lao động nữ Thanh Quang, do đó cường lực cơ của họ cũng mạnh hơn. Nhưng vòng ngực, vòng bụng của lao động nữ Quyết Tiến lại nhỏ hơn so với lao động nữ Thanh Quang. Sự khác nhau trên có lẽ liên quan với tư thế lao động (Người lao động ở Quyết Tiến chủ yếu đứng, đi lại hoặc đập chân; người lao động ở Thanh Quang chủ yếu ngồi) cường độ lao động và đời sống của người lao động hai nơi khác nhau.

Người lao động nữ ở thị xã cũng có trị số chiều cao và trọng lượng cao hơn người lao động nữ ở nông thôn.

2. Về thể lực: Căn cứ vào hai chỉ số thể lực Pignet và Q.V.C thì ở cả hai hợp tác xã, thể lực của người lao động nữ đều giảm dần theo chiều tăng của tuổi.

3. Về bề dày lớp mỡ dưới da (BDLMDD) cũng có hiện tượng tương tự. Ở cả 7 điểm đo và BDLMD trung bình 7 điểm đó, lớp mỡ mỏng dần khi tuổi tăng lên.

Ở 7 điểm đo BDLMD thấy cao nhất ở điểm M20 (dưới nếp lằn mông) và thấp nhất ở điểm G15 (điểm trước, giữa cánh tay). Mỡ tập trung ở phía sau nhiều hơn phía trước, ở phía dưới thân nhiều hơn phía trên thân. Mặt trước cơ thể, mỡ tập trung nhiều ở điểm A8 (cạnh rốn); mặt sau có thể mỡ tập trung nhiều ở điểm M20.

Người lao động nữ Quyết Tiến ở hầu hết các điểm đo đều có BDLMD lớn hơn ở người lao động nữ Thanh Quang.

4. Về khối mỡ (KM), khối nạc (KN):

Kết quả tính KM, KN theo công thức của Wilmore và của Trịnh Bình Di và cộng sự [1] đều giống nhau về chiều hướng: hơi tăng cao lên ở lứa tuổi 26 - 40 sau đó giảm mạnh ở lứa tuổi 41 - 55. Chứng tỏ hiện tượng teo dẹt cả cơ bắp và mỡ ở lớp tuổi này. Khối nạc (thể hiện sự phát triển cơ bắp) giảm mạnh nhưng thể lực (thể hiện qua Pignet và QVC) lại chưa giảm mạnh, chứng tỏ hai chỉ số thể lực này vẫn chưa loại trừ được hết yếu tố mỡ để hoàn toàn đánh giá thể lực.

KM, KN tính theo hai công thức ngoại quốc và Việt Nam có trị số chênh lệch nhau có thể do việc xây dựng các công thức của ngoại quốc chưa phù hợp với cơ thể người Việt Nam.

Người lao động nữ Quyết Tiến có trị số khối nạc cao hơn người lao động nữ Thanh Quang ở các lớp tuổi, phù hợp với những kết quả lớn hơn về vòng đùi, vòng cánh tay eo đã nói ở trên.

IV - KẾT LUẬN:

Sử dụng thang phân loại của Trịnh Hữu Vách (1987) chúng tôi thấy: các lao động nữ Tiểu thủ công nghiệp Thái Bình nói chung có chiều cao đạt mức trung bình và trọng lượng đều ở mức nhẹ cân và rất nhẹ cân ở lứa tuổi 41-55, chứng tỏ sự teo dẹt sau tuổi 40 diễn ra mạnh.

/ Bảng 2. Các kích thước hình thái, thể lực và độ béo gầy của lao động nữ
tiểu thủ công nghiệp Thái Bình.

Hợp tác xã Tiều thủ công nghiệp	THANH QUANG			QUYẾT TIẾN	
	16 - 25 (n = 115)	26 - 40 (n = 115)	41 - 55 (n = 46)	16 - 25 (n = 116)	26 - 40 (n = 91)
Lớp tuổi	2	3	4	5	6
Các thông số					
Cân nặng	43,64 ± 4,40	43,34 ± 3,44	40,56 ± 4,15	44,52 ± 3,25	44,17 ± 3,80
Cao đứng	149,26 ± 3,70	150,02 ± 4,37	148,23 ± 4,70	150,17 ± 4,08	151,65 ± 3,71
Vòng cánh tay phải co	23,79 ± 1,67	23,65 ± 1,43	22,43 ± 2,49	24,15 ± 1,58	23,99 ± 1,43
Vòng ngực hít vào H.S	74,5 ± 4,33	74,41 ± 4,04	73,6 ± 3,73	72,7 ± 3,25	72,3 ± 2,84
Vòng ngực thở ra H.S	69,1 ± 4,14	70,1 ± 3,27	69,7 ± 3,56	69,5 ± 2,95	70,1 ± 2,74
Vòng ngực trung bình	72,0 ± 3,37	72,1 ± 3,76	71,8 ± 2,51	71,2 ± 3,30	71,3 ± 2,93
Vòng đùi phải	43,64 ± 2,18	42,69 ± 2,82	40,87 ± 2,90	44,64 ± 2,19	44,97 ± 2,86
Lực bóp tay phải	25,81 ± 4,36	24,55 ± 4,33	19,97 ± 4,14	28,28 ± 3,94	27,03 ± 4,28
Lực bóp tay trái	23,99 ± 3,55	23,87 ± 4,55	19,61 ± 4,14	26,44 ± 3,94	25,13 ± 4,08
Lực co thân	49,34 ± 9,95	46,96 ± 13,84	37,63 ± 12,19	56,81 ± 6,89	55,71 ± 9,02
Bề dày mỡ đùi B5	4,92 ± 1,06	3,62 ± 0,83	3,73 ± 1,20	5,70 ± 1,21	4,62 ± 1,19
- A8	10,19 ± 2,01	9,06 ± 3,51	8,16 ± 2,46	12,39 ± 2,63	11,16 ± 3,15
- B10	6,03 ± 1,64	5,43 ± 2,01	5,57 ± 1,85	6,18 ± 1,32	6,02 ± 1,88
- G15	2,48 ± 0,46	2,17 ± 0,52	2,00 ± 0,56	2,82 ± 0,61	2,53 ± 0,58
- I15	5,68 ± 1,20	5,07 ± 0,50	4,98 ± 1,24	6,82 ± 1,23	6,25 ± 1,25

Bảng 2. - (tiếp theo)

1	2	3	4	5	6
Bề dày mỡ đùi E6	5,80 ± 1,18	4,90 ± 1,14	5,34 ± 1,22	6,76 ± 1,58	6,36 ± 1,40
— M20	16,85 ± 1,96	14,71 ± 2,52	12,40 ± 3,16	18,52 ± 2,39	16,91 ± 2,74
BDLMDD trung bình	7,42 ± 1,36	6,42 ± 1,57	6,03 ± 1,67	8,46 ± 1,57	7,69 ± 1,74
Vòng bụng	69,80 ± 3,94	70,73 ± 5,28	69,53 ± 4,42	68,51 ± 2,76	69,86 ± 4,41
Tỷ trọng cơ thể	1,073 ± 0,009	1,070 ± 0,007	1,071 ± 0,007	1,075 ± 0,006	1,072 ± 0,008
Tỷ lệ x nữ	11,9 ± 3	12,8 ± 2,4	10,5 ± 2,6	10,7 ± 2,2	11,7 ± 3,2
Khối mỡ theo Wilmore	5,32 ± 1,49	5,51 ± 1,40	5,11 ± 1,15	4,99 ± 1,19	5,28 ± 1,74
Khối nạc theo Wilmore	38,38 ± 3,82	37,48 ± 2,80	35,56 ± 3,39	40,11 ± 2,89	38,81 ± 3,17
KM theo N.Q.Q và LGV	9,93 ± 0,86	10,08 ± 0,90	9,84 ± 0,70	9,93 ± 0,95	10,04 ± 0,92
KN theo N.Q.Q và L.G.V	33,38 ± 3,99	33,0 ± 3,12	30,84 ± 3,42	34,85 ± 3,04	34,65 ± 3,37
Chỉ số Pignet	32,63 ± 5,33	34,67 ± 5,35	35,57 ± 5,98	35,29 ± 6,19	36,37 ± 5,99
Chỉ số QVC	7,38 ± 5,85	9,80 ± 5,88	10,85 ± 6,28	8,95 ± 7,13	10,63 ± 6,10

Về thể lực, họ ở vào mức trung bình, nhưng riêng lớp tuổi 26 -- 40 thì hầu như lại thuộc mức yếu, có lẽ do ở tuổi này người phụ nữ phải chịu gánh nặng của việc sinh đẻ, nuôi con, và lao động nhiều trong điều kiện kinh tế xã hội nhiều khó khăn, đời sống thiếu thốn...

Về độ béo gầy, hầu hết lao động nữ Thái Bình được xếp vào loại gầy.

Nhìn chung, giữa các lao động nữ ở hai hợp tác xã Tiểu thủ công nghiệp thuộc hai vùng nông thôn và thành thị của Thái Bình có khác nhau về một số đặc điểm hình thái, nhưng đều giống nhau về tình trạng cơ thể gầy và nhẹ cân thể lực trung bình hoặc yếu. Họ cần được quan tâm hơn nữa trong việc hợp lý hóa sản xuất, giảm bớt thời gian lao động, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường, nâng cao mức sống, khám bệnh và chữa bệnh thường xuyên...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Bình Di, Đỗ Đình Hồ, Phạm Khê, Nguyễn Quang Quyền, Lê Thành Uyên. Về những thông số sinh học người Việt Nam. Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà nội - 1982.
2. Trịnh Hữu Vách. Góp phần nghiên cứu đặc điểm hình thái thể lực người Việt lứa tuổi trưởng thành.
Tóm tắt luận án PTS - Trường Đại học Tổng hợp Hà nội - 1987.
3. Nguyễn Đình Khoa - phương pháp thống kê ứng dụng trong sinh hoạt. Trường ĐHTH Hà nội 1975.
4. Nguyễn Yên - Hình Thái Người. Giáo trình bộ môn nhân học. Trường ĐHTH Hà nội, 1973.
5. Lê Mạnh - Tình hình lao động nữ khu vực TTCN - Báo cáo khoa học tại Hội thảo « Điều kiện lao động của phụ nữ khu vực TTCN » của UBKHXX Việt nam - 1986.

ĐẠO HUY KHUÊ

SOME DATA ABOUT MORPHOLOGICAL, PHYSICAL DEVELOPMENT AND FAT - THIN LEVEL OF THE BODY OF WORKING WOMEN IN THE HOME INDUSTRIAL BRANCH OF THAI BINH PROVINCE.

We collected characteristics of body in 483 women from 16 to 55 years of two home industrial cooperatives (one in rural, one in town) by methods and technics used to be employed in anthropological research. The data were analysing by statistical method. From the results we can do some following conclusions:

- There is difference of the morphological characteristics between the women of these two cooperatives.
- They are thin and the weight of body is light.
- Their physical development average or weak.
- The working women above mentioned are withstanding a lot of material and spiritual difficulties in their life.

Bộ môn Nhân học
Trường Đại học Tổng hợp Hà nội

Nhận bài
Ngày 10/2/1989